



## MỤC LỤC

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 25



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch
Ông Hà Huy Thắng	Ủy viên
Ông Trần Ngọc Châu	Ủy viên
Ông Huỳnh Đức Thông	Ủy viên
Ông Trần Kỳ Hạnh	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Hà Huy Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Cung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Lai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Đức Thông	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Hà Huy Thắng**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2018

2500 - 0  
G TY  
M HUU H  
DITTE  
NAM  
- TP. H



Số: 664 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2018, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có một số lô hàng sắt thép tồn kho lâu ngày, chậm luân chuyển, tiêu nguyên liệu và tiêu bán thành phẩm với giá trị khoảng 86,8 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 86,2 tỷ đồng). Công ty chưa xác định được giá trị thuần có thể thực hiện được của các mặt hàng này để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 - "Hàng tồn kho". Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về số dự phòng Công ty cần trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho mặt hàng hạt nhựa với số tiền khoảng 2,2 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 5,3 tỷ đồng) và mặt hàng cao su với số tiền khoảng 2,1 tỷ đồng. Nếu Công ty trích lập theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 - "Hàng tồn kho", thì lỗ kế toán trước thuế năm 2017 của Công ty sẽ tăng 4,3 tỷ đồng và khoản mục "Hàng tồn kho" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm đi một số tiền tương ứng.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. và các hãng thành viên.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, một số khoản phải thu đã quá hạn thanh toán trên 3 năm được đảm bảo bởi các tài sản của các khách hàng. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và nhận thấy giá trị thị trường của các tài sản đảm bảo cao hơn giá trị các khoản phải thu và có khả năng thu hồi toàn bộ các khoản nợ phải thu này. Theo đó Công ty không thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu nêu trên. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Trần Huy Công**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0891-2018-001-1

**Vũ Mạnh Hùng**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2737-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>417.064.175.950</b>	<b>501.624.845.639</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>		<b>31.108.377.546</b>	<b>5.494.613.717</b>
1. Tiền	111	4	31.108.377.546	5.494.613.717
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>130.000.000</b>	<b>130.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		410.000.000	410.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(280.000.000)	(280.000.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>160.996.144.427</b>	<b>157.401.983.494</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	137.482.675.912	128.897.003.551
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	16.259.950.896	20.404.076.751
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	8.105.693.275	9.896.658.596
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.187.541.716)	(2.266.531.272)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		335.366.060	470.775.868
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>187.664.393.741</b>	<b>298.956.968.612</b>
1. Hàng tồn kho	141		187.664.393.741	298.956.968.612
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>37.165.260.236</b>	<b>39.641.279.816</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		195.713.682	51.760.165
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32.495.253.967	35.164.753.848
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	4.474.292.587	4.424.765.803
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>142.493.668.423</b>	<b>138.741.703.724</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>36.885.257.501</b>	<b>33.720.257.501</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	36.885.257.501	33.720.257.501
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>42.008.577.498</b>	<b>37.238.152.877</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	35.657.677.100	31.457.349.603
- Nguyên giá	222		64.890.095.803	55.659.279.691
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.232.418.703)	(24.201.930.088)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	6.350.900.398	5.780.803.274
- Nguyên giá	228		7.663.981.502	6.804.851.502
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.313.081.104)	(1.024.048.228)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>85.277.001</b>	<b>5.861.612.975</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	85.277.001	5.861.612.975
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>61.051.404.296</b>	<b>60.740.939.939</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		135.000.000.000	135.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9.919.922.558	9.919.922.558
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(83.868.518.262)	(84.178.982.619)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.463.152.127</b>	<b>1.180.740.432</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.463.152.127	1.180.740.432
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>559.557.844.373</b>	<b>640.366.549.363</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>412.908.817.210</b>	<b>446.516.363.992</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>401.210.109.544</b>	<b>431.540.166.148</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	16.648.518.621	18.859.201.477
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	4.436.134.530	6.411.026.471
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.065.355.837	849.632.112
4. Phải trả người lao động	314		-	328.883.900
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		253.530.727	222.651.474
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	5.218.335.991	6.695.891.375
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	373.575.744.358	398.156.389.859
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.489.480	16.489.480
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>11.698.707.666</b>	<b>14.976.197.844</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		1.698.707.666	1.698.707.666
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	10.000.000.000	13.277.490.178
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>19</b>	<b>146.649.027.163</b>	<b>193.850.185.371</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>146.649.027.163</b>	<b>193.850.185.371</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	151.993.450.000	151.993.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		151.993.450.000	151.993.450.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	19	55.634.688.169	55.634.688.169
3. Cổ phiếu quỹ	415	19	(12.425.734.109)	(12.425.734.109)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	8.036.450.868	8.036.450.868
5. (Lỗ) lũy kế	421	19	(56.589.827.765)	(9.388.669.557)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(9.388.669.557)	(17.740.474.075)
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(47.201.158.208)	8.351.804.518
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>559.557.844.373</b>	<b>640.366.549.363</b>

  
**Trần Lê Phong**  
Người lập biểu

  
**Nguyễn Minh Quang**  
Kế toán trưởng

  
**Hà Huy Thắng**  
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>1.946.109.874.277</b>	<b>2.402.531.342.917</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	3.133.470.816	2.645.830.001
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>21</b>	<b>1.942.976.403.461</b>	<b>2.399.885.512.916</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	22	1.917.217.192.381	2.315.061.786.271
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>25.759.211.080</b>	<b>84.823.726.645</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	10.884.805.218	10.010.426.288
7. Chi phí tài chính	22	25	29.929.294.925	29.800.101.480
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.367.268.857	27.908.450.026
8. Chi phí bán hàng	25		43.554.057.737	49.772.170.419
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		12.149.331.238	8.973.114.851
<b>10. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>(48.988.667.602)</b>	<b>6.288.766.183</b>
11. Thu nhập khác	31		3.304.711.110	2.154.602.859
12. Chi phí khác	32		1.517.201.716	91.564.524
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>1.787.509.394</b>	<b>2.063.038.335</b>
<b>14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(47.201.158.208)</b>	<b>8.351.804.518</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	-	-
<b>16. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>(47.201.158.208)</b>	<b>8.351.804.518</b>

Trần Lê Phong  
Người lập biểu

Nguyễn Minh Quang  
Kế toán trưởng

Hà Huy Thăng  
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(47.201.158.208)</b>	<b>8.351.804.518</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.319.521.491	4.198.723.601
Các khoản dự phòng	03	(1.389.453.913)	(4.780.291.230)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	399.957.045	1.537.463.385
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(3.471.920.640)	(3.680.683.914)
Chi phí lãi vay	06	23.367.268.857	27.908.450.026
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(22.975.785.368)</b>	<b>33.535.466.386</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(4.968.678.186)	20.209.057.701
Thay đổi hàng tồn kho	10	111.292.574.871	(18.261.497.565)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.492.275.901)	(15.248.388.657)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.426.365.212)	14.842.757
Tiền lãi vay đã trả	14	(23.336.389.604)	(28.082.612.498)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.000.000)	(89.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>55.089.080.600</b>	<b>(7.922.131.876)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.821.346.866)	(19.196.736.784)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.579.448.598	4.837.883.103
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.241.898.268)</b>	<b>(14.358.853.681)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.805.383.467.299	2.390.671.368.503
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.833.440.577.384)	(2.494.086.731.371)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(29.758.196)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(28.057.110.085)</b>	<b>(103.445.121.064)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>25.790.072.247</b>	<b>(125.726.106.621)</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5.494.613.717</b>	<b>130.693.371.751</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(176.308.418)	527.348.587
<b>Tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>31.108.377.546</b>	<b>5.494.613.717</b>

Trần Lê Phong  
Người lập biểu

Nguyễn Minh Quang  
Kế toán trưởng

Hà Huy Thăng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 4103002720 cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PIT.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam nắm giữ 52,67% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 104 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 79).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng nông - lâm - thủy - hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng;
- Mua bán, sản xuất, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, quặng kim loại, kim loại màu; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (không sản xuất tại trụ sở);
- Kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu; Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu; Mua bán sản phẩm hóa dầu (trừ gas);
- Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến hàng hóa xuất nhập khẩu (trừ chế biến thực phẩm tươi sống, tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí);
- Kinh doanh, đầu tư cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Các hoạt động khác.

**Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin khái quát về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

<b>Tên Công ty con</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	Sản xuất sơn, vecni và các chất sơn, quét tương tự, matit (không phải sản xuất tại trụ sở); Bán buôn sơn, vecni, bán lẻ sơn, màu, vecni trong các cửa hàng chuyên doanh...
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%	Mua bán, xuất nhập khẩu hàng nông-lâm-thủy-hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng; Mua bán, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu; Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu....

HAN  
E  
A  
HA

12



Công ty có 01 chi nhánh là Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên tại số 577/E, tổ 5, ấp 3, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con trong một báo cáo khác.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.



Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

#### **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hữu hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành và các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

*Pa*



Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u> Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, trong đó: Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao; Các phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính là từ 3 đến 5 năm, và tài sản cố định vô hình khác trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính là 20 năm.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

#### **Các khoản trả trước**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.



### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty trong thời gian không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có khoản lỗ lũy kế là khoảng 56,6 tỷ đồng, có thể kết chuyển để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của các năm tiếp theo. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan do không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**4. TIỀN**

	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Tiền mặt	213.547.871	40.791.901
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.894.829.675	5.453.821.816
	<b>31.108.377.546</b>	<b>5.494.613.717</b>

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>				
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Âu Lạc	410.000.000	280.000.000	410.000.000	280.000.000
	<b>410.000.000</b>	<b>280.000.000</b>	<b>410.000.000</b>	<b>280.000.000</b>
<b>Đầu tư vào công ty con</b>				
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	120.000.000.000	81.962.833.641	120.000.000.000	82.254.364.462
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	15.000.000.000	1.905.684.621	15.000.000.000	1.924.618.157
	<b>135.000.000.000</b>	<b>83.868.518.262</b>	<b>135.000.000.000</b>	<b>84.178.982.619</b>
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh	6.300.000.000	-	6.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	3.619.922.558	-	3.619.922.558	-
	<b>9.919.922.558</b>	<b>-</b>	<b>9.919.922.558</b>	<b>-</b>

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư vào công ty con và các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do thiếu thông tin về giá tham chiếu trên thị trường nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<b>Khách hàng trong nước</b>	<b>39.774.499.374</b>	<b>54.303.902.159</b>
Công ty TNHH Thương mại Thép Đại Kim	-	27.726.461.389
Công ty Cổ phần Sắt thép Đông Á	9.538.272.918	9.538.272.918
Các khách hàng trong nước khác	30.236.226.456	17.039.167.852
<b>Khách hàng nước ngoài</b>	<b>66.377.793.788</b>	<b>50.290.608.355</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)</b>	<b>31.330.382.750</b>	<b>24.302.493.037</b>
	<b>137.482.675.912</b>	<b>128.897.003.551</b>

11250  
CÔNG TY  
NHIỆM VỤ  
LOIT  
ỆT NA  
ĐA - TP

12



**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Công ty TNHH MTV Nông sản Duy Tân	7.555.999.532	1.141.905.532
Công ty TNHH Đầu tư Xuất nhập khẩu Thương mại Phú Quý	2.000.000.000	-
Công ty Brand Building Consulting LLC	176.273.750	1.816.435.000
Các đối tượng khác	6.527.677.614	10.918.196.593
<b>Trả trước ngắn hạn cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)</b>	<b>-</b>	<b>6.527.539.626</b>
	<b><u>16.259.950.896</u></b>	<b><u>20.404.076.751</u></b>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
<b>a. Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Phải thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	593.000.000	593.000.000
Tạm ứng	5.875.648.521	5.602.495.090
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	665.549.149	2.773.077.107
Phải thu về lãi trả chậm theo hợp đồng	331.235.902	331.235.900
Phải thu khác	640.259.703	596.850.499
	<b><u>8.105.693.275</u></b>	<b><u>9.896.658.596</u></b>
<b>b. Phải thu dài hạn khác</b>		
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (i)	36.370.257.501	33.410.257.501
Ký cược, ký quỹ	515.000.000	310.000.000
	<b><u>36.885.257.501</u></b>	<b><u>33.720.257.501</u></b>

- (i) Khoản phải thu dài hạn khác phản ánh khoản phải thu Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex - Công ty con của Công ty, bao gồm gốc và lãi của khoản vay dài hạn mà Công ty đã trả hộ cho Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex trong năm 2014. Công ty đã cam kết không thu hồi lại khoản vay này trong khoảng thời gian 5 năm kể từ ngày thanh toán theo Công văn số 75/CV-TGD ngày 31 tháng 12 năm 2016.



**9. NỢ XẤU**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND		VND	VND	
Công ty Cổ phần Sắt thép Đông Á (i)	9.538.272.918	9.538.272.918	Trên 3 năm	9.538.272.918	9.538.272.918	Trên 3 năm
Công ty TNHH Sản xuất dịch vụ thương mại Vạn Vạn Thông (i)	3.500.000.000	3.500.000.000	Trên 3 năm	3.500.000.000	3.500.000.000	Trên 3 năm
Phòng kinh doanh Bất động sản - Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex	3.435.000.000	3.435.000.000	Trên 3 năm	3.435.000.000	3.435.000.000	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Thép Mới (i)	2.360.286.431	2.029.050.529	Trên 3 năm	2.360.286.431	790.155.159	Trên 3 năm
Công ty TNHH Đông Á (i)	960.621.809	960.621.809	Trên 3 năm	960.621.809	960.621.809	Trên 3 năm
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Diễm Thành	696.400.000	-	Trên 3 năm	696.400.000	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH TM Dịch vụ Hoàng Thảo	379.453.800	379.453.800	Trên 3 năm	454.453.800	454.453.800	Trên 3 năm
Shashi food INC	457.289.720	320.102.804	Trên 1 năm	457.289.720	457.289.720	Trong hạn
ELPIS LTD.	74.907.825	52.435.478	Trên 1 năm	74.907.825	74.907.825	Trong hạn
Khác	3.154.551.444	3.154.304.893	Trên 1 năm	-	-	
	<b>24.556.783.947</b>	<b>23.369.242.231</b>		<b>21.477.232.503</b>	<b>19.210.701.231</b>	

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc các khoản phải thu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

(i) Các khoản phải thu này được đảm bảo bởi tài sản của các khách hàng. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và nhận thấy giá trị thị trường của các tài sản đảm bảo cao hơn giá trị các khoản phải thu và có khả năng thu hồi toàn bộ các khoản nợ phải thu này, theo đó Công ty không thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu nêu trên.

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	5.774.554.605	-	23.077.502.430	-
Nguyên liệu, vật liệu	40.785.106.282	-	29.644.030.524	-
Công cụ, dụng cụ	83.162.135	-	186.664.102	-
Thành phẩm	5.695.583.750	-	60.806.198.185	-
Hàng hoá	133.390.626.969	-	183.932.118.151	-
Hàng hóa bất động sản	-	-	1.310.455.220	-
Hàng gửi bán	1.935.360.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>187.664.393.741</b>	<b>-</b>	<b>298.956.968.612</b>	<b>-</b>



**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	32.282.274.346	19.406.117.863	3.155.703.977	815.183.505	55.659.279.691
Tăng trong năm	2.334.361.567	6.101.000.000	605.454.545	190.000.000	9.230.816.112
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>34.616.635.913</b>	<b>25.507.117.863</b>	<b>3.761.158.522</b>	<b>1.005.183.505</b>	<b>64.890.095.803</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	11.638.193.978	9.055.613.087	2.761.149.442	746.973.581	24.201.930.088
Trích khấu hao trong năm	2.256.769.450	2.533.639.617	163.472.736	76.606.812	5.030.488.615
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>13.894.963.428</b>	<b>11.589.252.704</b>	<b>2.924.622.178</b>	<b>823.580.393</b>	<b>29.232.418.703</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	20.644.080.368	10.350.504.776	394.554.535	68.209.924	31.457.349.603
Tại ngày cuối năm	20.721.672.485	13.917.865.159	836.536.344	181.603.112	35.657.677.100

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 8.592.036.182 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 7.578.578.582 đồng).

Công ty đã thế chấp nhà văn phòng và nhà kho tại Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 253.317.181 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 874.509.769 đồng).

Bên cạnh đó, Công ty cũng đã thế chấp Nhà máy chế biến gia vị chất lượng cao hoàn thành vào ngày 30 tháng 11 năm 2016 để đảm bảo cho khoản tiền vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 21.895.210.812 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 15.100.537.991 đồng).

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	5.771.373.002	1.033.478.500	-	6.804.851.502
Tăng trong năm	-	-	859.130.000	859.130.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.771.373.002</b>	<b>1.033.478.500</b>	<b>859.130.000</b>	<b>7.663.981.502</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	279.919.134	744.129.094	-	1.024.048.228
Trích khấu hao trong năm	104.969.676	155.425.536	28.637.664	289.032.876
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>384.888.810</b>	<b>899.554.630</b>	<b>28.637.664</b>	<b>1.313.081.104</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	5.491.453.868	289.349.406	-	5.780.803.274
Tại ngày cuối năm	5.386.484.192	133.923.870	830.492.336	6.350.900.398



Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 419.017.500 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 419.017.500 đồng).

Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn tại Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.205.192.140 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.205.192.140 đồng).

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Lắp đặt máy móc cho Nhà máy chế biến gia vị chất lượng cao	85.277.001	5.861.612.975
	<b>85.277.001</b>	<b>5.861.612.975</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	Số đầu năm VND	Phát sinh trong năm		Số cuối năm VND
		Phát sinh tăng VND	Phát sinh giảm VND	
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	70.016.099.654	70.006.235.455	9.864.199
- Thuế GTGT đầu ra	-	57.770.700.641	57.770.700.641	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	12.245.399.013	12.235.534.814	9.864.199
Thuế tiêu thụ đặc biệt	79.973.619	463.920.796	374.369.419	169.524.996
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.270.207.527	-	-	4.270.207.527
Các loại thuế khác	74.584.657	435.757.530	485.646.322	24.695.865
- Thuế thu nhập cá nhân	74.584.657	435.757.530	485.646.322	24.695.865
<b>Cộng</b>	<b>4.424.765.803</b>	<b>70.915.777.980</b>	<b>70.866.251.196</b>	<b>4.474.292.587</b>
<b>b) Các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	123.191.932	504.641.065	380.577.465	247.255.532
- Thuế GTGT đầu ra	-	504.641.065	257.385.533	247.255.532
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	123.191.932	-	123.191.932	-
Thuế nhập khẩu	726.131.180	4.998.701.621	4.907.102.796	817.730.005
Các loại thuế khác	309.000	8.314.778	8.253.478	370.300
- Thuế thu nhập cá nhân	309.000	7.314.778	7.253.478	370.300
- Thuế khác	-	1.000.000	1.000.000	-
Các khoản phải nộp khác	-	210.637.608	210.637.608	-
- Các khoản phí, lệ phí	-	210.637.608	210.637.608	-
<b>Cộng</b>	<b>849.632.112</b>	<b>5.722.295.072</b>	<b>5.506.571.347</b>	<b>1.065.355.837</b>



**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>16.648.518.621</b>	<b>16.648.518.621</b>	<b>18.396.805.477</b>	<b>18.396.805.477</b>
Công ty Emistee Fze	-	-	6.626.793.062	6.626.793.062
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty 28	4.775.460.000	4.775.460.000	3.441.000.000	3.441.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Á châu	1.423.500.183	1.423.500.183	2.508.063.525	2.508.063.525
Công ty KOMAS	-	-	1.612.283.108	1.612.283.108
Công ty TNHH Điện Tử Điện Lạnh Bình Phú	3.172.499.979	3.172.499.979	-	-
Công ty TNHH XNK Cẩm Dương Ban Mê	1.587.091.550	1.587.091.550	-	-
Các nhà cung cấp khác	5.689.966.909	5.689.966.909	4.208.665.782	4.208.665.782
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>462.396.000</b>	<b>462.396.000</b>
	<b>16.648.518.621</b>	<b>16.648.518.621</b>	<b>18.859.201.477</b>	<b>18.859.201.477</b>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Unistel - Công ty con của CDS Monarch	2.756.946.407	-
Kolvy LLC	413.660.025	-
Doanh nghiệp tư nhân thương mại Kim Long	76.960.127	977.991.722
Công ty TNHH Thép không gỉ Vĩnh Phát	-	2.250.762.041
Doanh nghiệp tư nhân Thương mại và Dịch vụ Phúc Nhật Tiến	-	2.062.648.286
Các đối tượng khác	1.188.567.971	1.119.624.422
	<b>4.436.134.530</b>	<b>6.411.026.471</b>

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Các khoản phải trả khác ngắn hạn</b>		
Tạm giữ tiền của nhân viên kinh doanh	1.000.000.000	1.000.000.000
Cổ tức phải trả	493.929.819	493.929.819
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	2.964.758.000	3.282.889.670
Phải trả khác	250.930.598	300.354.312
<b>b. Các khoản phải trả ngắn hạn các bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	508.717.574	508.717.574
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	-	1.110.000.000
	<b>5.218.335.991</b>	<b>6.695.891.375</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn (i)	126.392.120.706	126.392.120.706	526.840.475.300	482.838.268.952	170.394.327.054	170.394.327.054
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ii)	49.769.761.861	49.769.761.861	308.459.356.452	338.862.559.995	19.366.558.318	19.366.558.318
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (iii)	196.507.630.597	196.507.630.597	967.912.315.560	984.605.087.171	179.814.858.986	179.814.858.986
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	25.486.876.695	25.486.876.695	-	25.486.876.695	-	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (iv)	-	-	4.000.000.000	-	4.000.000.000	4.000.000.000
<b>Cộng vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>398.156.389.859</b>	<b>398.156.389.859</b>	<b>1.807.212.147.312</b>	<b>1.831.792.792.813</b>	<b>373.575.744.358</b>	<b>373.575.744.358</b>
<b>Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (iv)	13.277.490.178	13.277.490.178	2.171.319.987	5.448.810.165	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng vay dài hạn</b>	<b>13.277.490.178</b>	<b>13.277.490.178</b>	<b>2.171.319.987</b>	<b>5.448.810.165</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 441.0013/2017/HĐTĐTM-DN/PGB.SG ngày 20 tháng 01 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 450 tỷ đồng, có thời hạn từ ngày ký hợp đồng. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0019/1728/N-CTDDN1 ngày 20 tháng 12 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 150 tỷ đồng, có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 dùng để đảm bảo cho khoản tiền vay ngắn hạn trên bao gồm:



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

- Quyền sử dụng đất vô thời hạn và tài sản gắn liền với đất bao gồm nhà văn phòng và nhà kho Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 6, xã Hội Nghĩa, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- Quyền sử dụng đất với diện tích khoảng 12.400 m<sup>2</sup>, tài sản gắn liền với đất và máy móc, thiết bị sản xuất sơn của Công ty TNHH Một thành viên Sơn Petrolimex, công ty con của Công ty tại thửa đất số 231, tờ bản đồ số 27, khu Công nghiệp Vietship II, xã Hòa Phú, huyện Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị hình thành từ vốn tự có và vốn vay thuộc Dự án "Nhà máy chế biến gia vị chất lượng cao PITCO" thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex.

(iii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 17.3420218/2017-HĐCVHM/NHCT900-PITCO ngày 17 tháng 7 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 500 tỷ đồng có thời hạn từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 15 tháng 6 năm 2018. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên của Công ty (trừ hoạt động kinh doanh sắt thép và hạt nhựa). Khoản vay không có tài sản đảm bảo, áp dụng biện pháp bảo đảm bổ sung là hàng tồn kho luân chuyển và quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế có nguồn gốc do Bên cho vay tài trợ vốn với giá trị tại mọi thời điểm không thấp hơn số dư cấp tín dụng đối với Bên Vay tại Bên cho vay.

(iv) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0002/KHDN2/16CD ngày 26 tháng 01 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 21.004.000.000 đồng có hiệu lực 54 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay là để đầu tư hệ thống nhà xưởng và máy móc thiết bị của Nhà máy Chế biến gia vị chất lượng cao. Các tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 dùng để đảm bảo cho khoản tiền vay ngắn dài trên bao gồm toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai từ vốn tự có và vốn vay thuộc Dự án bao gồm:

- Nhà xưởng, nhà kho và các công trình phụ trợ khác, có giá trị là 16.771.262.832 đồng. Máy móc thiết bị, có giá trị là 5.123.947.979 đồng.
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 98, tờ bản đồ số 6, xã Ho Nghĩa, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nhà xưởng cũ đang bảo đảm cho các nghĩa vụ tài chính của Bên vay tại Bên cho vay).
- Các biện pháp đảm bảo khác theo yêu cầu của Bên cho vay.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, lịch trả nợ vay dài hạn như sau:

	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Trong vòng một năm	4.000.000.000	-
Trong năm thứ hai	4.000.000.000	4.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	4.000.000.000	4.000.000.000
Sau năm năm	2.000.000.000	5.277.490.178
	<b>14.000.000.000</b>	<b>13.277.490.178</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(4.000.000.000)	-
Số phải trả sau 12 tháng	<b>10.000.000.000</b>	<b>13.277.490.178</b>



*[Handwritten signature]*



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	(Lỗ) lũy kế VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	151.993.450.000	55.634.688.169	(12.425.734.109)	8.036.450.868	(17.740.474.075)	185.498.380.853
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	8.351.804.518	8.351.804.518
Số dư đầu năm nay (Lỗ) trong năm	151.993.450.000	55.634.688.169	(12.425.734.109)	8.036.450.868	(9.388.669.557)	193.850.185.371
Số dư cuối năm nay	151.993.450.000	55.634.688.169	(12.425.734.109)	8.036.450.868	(56.589.827.765)	146.649.027.163

Cổ phiếu:

	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	Cổ phần	15.199.345	15.199.345
Cổ phiếu phổ thông	Cổ phần	15.199.345	15.199.345
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	Cổ phần	989.120	989.120
Cổ phiếu phổ thông	Cổ phần	989.120	989.120
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	Cổ phần	14.210.225	14.210.225
Cổ phiếu phổ thông	Cổ phần	14.210.225	14.210.225
Mệnh giá mỗi cổ phần	VND	10.000	10.000

Chi tiết vốn điều lệ đã góp của các cổ đông như sau:

	Tỷ lệ	Vốn góp tại ngày cuối năm VND	Vốn góp tại ngày đầu năm VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	52,67%	80.056.110.000	80.056.110.000
Các cổ đông khác	47,33%	71.937.340.000	71.937.340.000
	100%	151.993.450.000	151.993.450.000

*R*



**20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>Đơn vị</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	4.851.384.265	4.851.384.265
Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ	USD	862.133	98.567
- Euro	EUR	42.572	651

**21. DOANH THU BÁN HÀNG**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng</b>		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng xuất khẩu	1.268.156.727.620	1.712.568.913.889
Doanh thu bán hàng nội địa	677.953.146.657	689.962.429.028
	<b>1.946.109.874.277</b>	<b>2.402.531.342.917</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
a. Giảm giá hàng bán	64.173.816	61.257.580
b. Hàng bán bị trả lại	3.069.297.000	2.584.572.421
	<b>3.133.470.816</b>	<b>2.645.830.001</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng</b>	<b>1.942.976.403.461</b>	<b>2.399.885.512.916</b>
<b>Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)</b>	<b>75.249.680.091</b>	<b>119.748.779.478</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn bán hàng xuất khẩu	1.256.421.321.392	1.643.253.961.682
Giá vốn bán hàng nội địa	660.795.870.989	671.807.824.589
	<b>1.917.217.192.381</b>	<b>2.315.061.786.271</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	417.797.627.369	732.011.953.420
Chi phí nhân công	17.988.776.771	16.937.693.453
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.319.521.491	4.198.723.601
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.358.882.293	43.071.624.009
Chi phí khác	4.396.635.945	1.867.408.760
	<b>489.861.443.869</b>	<b>798.087.403.243</b>



**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	120.323.013	69.401.599
Cổ tức, lợi nhuận được chia	369.707.000	545.955.422
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.412.884.578	6.329.742.374
Lãi trả chậm	2.981.890.627	3.065.326.893
	<b>10.884.805.218</b>	<b>10.010.426.288</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	23.367.268.857	27.908.450.026
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(310.464.357)	(4.780.291.230)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.872.490.425	6.671.942.684
	<b>29.929.294.925</b>	<b>29.800.101.480</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
<b>(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(47.201.158.208)</b>	<b>8.351.804.518</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ:		
<i>Thu nhập không chịu thuế</i>	388.657.316	545.955.422
Cộng:		
<i>Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	17.438.346.822	(7.805.849.096)
<i>Chuyển lỗ</i>	-	217.652.264
	-	(8.023.501.360)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>(30.151.468.702)</b>	-
Thuế suất thông thường	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**27. CÁC CAM KẾT KHÁC**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có thực hiện bảo lãnh vay vốn cho các khoản vay của các công ty con tại một số ngân hàng. Cụ thể như sau:

- Chứng thư bảo lãnh vay vốn số 931/2015/PITCO-CV ngày 09 tháng 11 năm 2015 trị giá 25 tỷ đồng cho khoản vay ngắn hạn của Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex, Công ty con của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh;
- Chứng thư bảo lãnh vay vốn số 86/2017/PITCO-CV ngày 24 tháng 01 năm 2017 trị giá 10 tỷ đồng cho khoản vay ngắn hạn của Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex, Công ty con của Công ty tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn.

TP / PITCO / 01 / 17



**28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
<b>Bán hàng</b>			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	43.590.894.698	112.087.971.041
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Công ty con	31.658.785.393	7.660.808.437
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực II	Cùng Tập đoàn	-	-
		<b>75.249.680.091</b>	<b>119.748.779.478</b>
<b>Mua hàng</b>			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	18.681.743.309	83.150.909.089
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực V	Cùng Tập đoàn	8.786.758.541	11.884.230.370
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	Cùng Tập đoàn	-	4.602.052.509
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Cùng Tập đoàn	2.523.298.360	801.594.440
Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO Sài Gòn	Cùng Tập đoàn	276.074.215	221.579.657
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Cùng Tập đoàn	7.697.805	6.104.112
		<b>30.275.572.230</b>	<b>100.666.470.177</b>
<b>Lãi trả chậm</b>			
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Công ty con	425.882.920	-
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	2.438.911.610	3.065.326.893
		<b>2.864.794.530</b>	<b>3.065.326.893</b>
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc</b>		<b>1.170.209.000</b>	<b>1.186.373.900</b>

C.T. HAN E HA

*Handwritten signature*



**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:**

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	25.408.443.716	19.180.588.434
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Công ty con	5.921.939.034	5.116.393.033
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực II	Cùng Tập đoàn	-	5.511.570
		<b>31.330.382.750</b>	<b>24.302.493.037</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	-	6.475.407.322
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực II	Cùng Tập đoàn	-	52.132.304
		-	<b>6.527.539.626</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	665.549.149	2.773.077.107
<b>Phải thu dài hạn khác</b>			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	36.370.257.501	33.410.257.501
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>			
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực V	Cùng Tập đoàn	-	417.648.000
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Cùng Tập đoàn	-	44.748.000
		-	<b>462.396.000</b>



**Trần Lê Phong**  
**Người lập biểu**



**Nguyễn Minh Quang**  
**Kế toán trưởng**



**Hà Huy Thắng**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 21 tháng 3 năm 2018